TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST Ngày: 04-12-2017. V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel.

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền– Kiểm Sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh M; Cư trú: đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lý Phương A, Địa chỉ: đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: đường Q, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2017, nguyên đơn ông Trần Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà Lý Phương A kết hôn lần đầu năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày

19/8/2003, do cuộc sống nhiều mâu thuẫn nên ông M đã gởi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xin ly hôn và Tòa án đã ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2013/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2013.

Đến khoảng tháng 02 năm 2014 ông M và bà Phương A trở về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn lại tại UBND phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 11/11/2014. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn lại cuộc sống vợ chồng vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Phương A không chung thủy, có người đàn ông khác ở bên ngoài. Đến giữa năm 2016 ông M có gởi đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để cho bà Phương A có cơ hội sửa chữa nhưng bà Phương A vẫn không thay đổi. Nay ông M nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phương A.

Về con chung: Ông Trần Thanh M và bà Lý Phương A có một con chung tên Trần Lý Bảo H, sinh ngày 13/3/2004. Hiện cháu H đang sống cùng ông M tại đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn ông M yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu bà Phương A cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một thửa đất diện tích 157,3m^2, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho ông Trần Thanh M và bà Lý Phương A ngày 10/5/2006, có nguồn gốc do cha mẹ ông M cho và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 86m^2 do hai vợ chồng cùng tạo nên. Về tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lý Phương A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phương A thống nhất với ông M về quá trình kết hôn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M không quan tâm đến vợ và có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Đến tháng 10/2016 ông M có gởi đơn xin ly hôn và đã được Tòa án thụ lý nhưng sau đó ông M rút đơn khởi kiện nên Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Bà Phương A dọn ra ở riêng từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay nhưng thỉnh thoảng bà có về nhà. Nay bà Phương A không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông M vì bà Phương A muốn con có đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: Ông Trần Thanh M và bà Lý Phương A có một con chung tên Trần Lý Bảo H, sinh ngày 13/3/2004. Từ khi bà Phương A dọn ra ở riêng từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay cháu H sống cùng ông M tại đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trường hợp Tòa giải quyết ly hôn bà Phương A đồng ý giao cháu H cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bà Phương A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một thửa đất diện tích 157,3m^2, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho ông Trần Thanh M và bà Lý Phương A ngày 10/5/2006, có nguồn gốc do cha mẹ ông M cho và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 86m^2 do hai vợ chồng cùng tạo nên. Về tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, bà Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh M và bà Lý Phương A xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo ông M và bà Phương A trình bày do ông bà nghi ngờ người kia có quan hệ với người khác, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau từ đó phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, Tòa án hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ hai lần nhưng ông M vẫn cương quyết xin ly hôn, còn bà Phương A xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông M và bà Phương A đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M cho ông được ly hôn với bà Phương A.

Về con chung: Ông M và bà Phương A khai vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lý Bảo H, sinh ngày 13/3/2004. Sau khi ly hôn ông M và bà A thống nhất giao cháu Trần Lý Bảo H cho ông Trần Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của ông M và bà Phương A phù hợp với nguyện vọng của cháu H, nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82,

Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông M và bà Phương A, giao cháu Trần Lý Bảo H cho ông Trần Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông M không yêu cầu bà Phương A cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lý Bảo H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Lý Phương A có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Lý Bảo H mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông M và bà Phương A trình bày vợ chồng có một thửa đất diện tích 157,3m^2, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho ông Trần Thanh M và bà Lý Phương A ngày 10/5/2006, có nguồn gốc do cha mẹ ông M cho và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 86m^2 do hai vợ chồng cùng tạo nên. Tuy nhiên, ông M và bà Phương A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông M và bà Phương A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Trần Thanh M phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh M được ly hôn bà Lý Phương A .

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lý Bảo H, sinh ngày 13/3/2004 cho ông Trần Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hiện cháu Trần Lý Bảo H đang sống với ông Trần Thanh M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông M không yêu cầu bà Phương A cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lý Bảo H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Lý Phương A có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Lý Bảo H mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông M và bà Phương A trình bày vợ chồng có một thửa đất diện tích 157,3m^2, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại đường L, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho ông Trần Thanh M và bà Lý Phương A ngày 10/5/2006, có nguồn gốc do cha mẹ ông M cho và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 86m^2 do hai vợ chồng cùng tạo nên. Tuy nhiên, ông M và bà Phương A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông M và bà Phương A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Trần Thanh M phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007230 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Uyên